

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 77 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và Văn bản số 08/UBND-ĐC ngày 03/10/2024 của UBND xã Hưng Đông về việc chỉnh sửa và đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 249/STNMT-BVMT ngày 11/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Dự án) do UBND xã Hưng Đông làm chủ Dự án (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Vinh; Chủ tịch UBND xã Hưng Đông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHU QUY HOẠCH CHIA LÔ ĐẤT Ở DÂN CƯ
TẠI XÓM TRUNG THUẬN, XÃ HUNG ĐÔNG, THÀNH PHỐ VINH**

*(kèm theo Quyết định số 77 /QĐ-UBND ngày 12 /01/2024
của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở dân cư tại xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Địa điểm thực hiện dự án: xóm Yên Xá, xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Chủ dự án: UBND xã Hưng Đông.

+ Đại diện: ông Trần Anh Tấn, chức vụ: chủ tịch UBND xã;

+ SĐT: 0383853624.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: theo Quyết định số 247/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 thì Dự án có tổng diện tích là 19.624,81m².

- Quy mô: tổng diện tích khu đất quy hoạch được duyệt là 19.624,81m², trong đó diện tích đất chia lô 8.478,4m² (52 lô), diện tích đường giao thông là 10.220,92m², diện tích đất mương thoát nước là 290,91m², diện tích đất quy hoạch cây xanh là 634,58m².

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình chính

a. San nền

- Diện tích san nền: 8.478,4m².

- Cao độ san nền bình quân thấp hơn đỉnh mương 0,6m; cao độ thiết kế san nền từ +3,9m.

b. Hệ thống đường giao thông

- Xây dựng tuyến đường giao thông đúng quy hoạch được duyệt, tổng chiều dài 706,81m.

- Kết cấu mặt đường: bê tông nhựa phù hợp với cấp đường và tiêu chuẩn.

- Vía hè lát gạch Terrazzo, bó vỉa, đan, bố trí ô bồn trồng cây.

c. Hệ thống cấp điện, cấp nước: di dời đường dây trung thế 35kV. Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cấp điện hạ thế bằng cáp ngầm, trạm biến áp, xây dựng hệ

thống điện chiếu sáng và cấp nước sinh hoạt.

d. Trồng cây xanh (cây xanh đường phố và khu cây xanh thể dục thể thao).

1.3.2. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thoát nước mưa

- Hệ thống mương thoát nước mưa dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông nội khu có khẩu độ $B=0,5-2,5m$ bằng bê tông cốt thép hộp kín;

- Công thoát nước qua đường, giếng thu, giếng thăm, giếng tách nước thải.

b. Hệ thống thoát nước thải

- Mương thoát nước thải: xây dựng tuyến mương thoát nước thải độc lập với mương thoát nước mưa và đầu nối vào mương thoát nước chung của vùng theo hướng thoát nước về phía Tây Bắc của khu đất. Mương thoát nước thải có khẩu độ $B=0,4m$.

1.3.3. Các hoạt động của Dự án

a. Giai đoạn xây dựng

- Rà phá bom mìn; bồi thường, giải phóng mặt bằng;

- Hoạt động thu dọn thảm thực vật, bóc đất hữu cơ trên đất lúa, bóc bùn đất còn lại, đào đắp san lấp mặt bằng;

- Vận chuyển, bóc dỡ nguyên vật liệu, thi công các hạng mục công trình;

- Sinh hoạt của cán bộ, công nhân;

- Rửa phương tiện, trang thiết bị, dụng cụ thi công xây dựng, vận chuyển.

b. Giai đoạn hoạt động

- Thi công xây dựng nhà ở của các hộ dân;

- Hoạt động sinh hoạt của dân cư trong khu Dự án;

- Hoạt động tham gia giao thông của dân cư trong khu vực Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Diện tích sử dụng đất của dự án là $19.624,81m^2$; trong đó có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ với diện tích $11.629,1m^2$.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thu dọn thảm thực vật, bóc đất hữu cơ trên đất lúa, bóc bùn đất còn lại, đào đắp san lấp mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, xây dựng các hạng mục công trình tác động đến môi trường đất, nước mặt, không khí của khu vực Dự án. Bụi, tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động của máy móc thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại dự án cũng như vùng lân cận. Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại,

nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng công trình tác động đến môi trường đất, không khí và nước mặt khu vực Dự án.

2.2. Giai đoạn hoạt động

Hoạt động xây dựng nhà ở, sinh hoạt hàng ngày của các hộ dân phát sinh chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải tác động đến môi trường không khí, đất và nước mặt. Bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào Dự án, từ hoạt động đun nấu tại các hộ gia đình ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải.

a. Giai đoạn xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân khoảng $3,6\text{m}^3/\text{ngày đêm}$; thành phần chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh...

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh khoảng $0,09\text{ m}^3/\text{s}$, chảy tràn bề mặt diện tích khu vực thi công; thành phần chủ yếu gồm các chất bẩn trên bề mặt như đất, đá, cát, sỏi....

- Nước thải thi công: phát sinh khoảng $4\text{m}^3/\text{ngày}$ từ hoạt động xịt rửa bánh xe, thiết bị dụng cụ thi công; thành phần chủ yếu: chứa chất rắn lơ lửng, đất cát.

b. Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt: phát sinh khoảng $46,8\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ từ quá trình sinh hoạt của các hộ gia đình trong khu dân cư; thành phần chủ yếu: các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh...

- Nước mưa chảy tràn: phát sinh khoảng $0,09\text{ m}^3/\text{s}$, chảy tràn trên bề mặt diện tích dự án; thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, chất ô nhiễm bị cuốn trôi, đất, cát.

3.1.2. Bụi và khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Bụi phát sinh trong quá trình đào đắp, san gạt, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công các hạng mục công trình.

- Khí thải phát sinh từ các loại máy móc, phương tiện vận tải hoạt động thi công xây dựng công trình. Thành phần chứa chủ yếu trong khí thải: CO, NO_x, SO₂, VOC,...

b. Giai đoạn hoạt động

- Bụi phát sinh từ sân nền đường nội bộ khu vực.
- Khí thải phát sinh từ các loại phương tiện giao thông ra vào khu dân cư và hoạt động đun nấu của các gia đình trong khu vực. Thành phần chủ yếu: CO, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất thải rắn

a. Giai đoạn xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng phát sinh khoảng 15kg/ngày; thành phần gồm chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy, bao bì nilon...); chất thải thực phẩm (thực phẩm rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh vỡ thủy tinh, thùng xốp loại bỏ...).

- Chất thải rắn xây dựng: phát sinh từ hoạt động bóc đất mặt trồng lúa: 2.325,82m³; hoạt động thi công đào đất: khoảng 7.471,44m³; sinh khối phát quang khoảng 800m³; khối lượng bao bì xi măng, nguyên vật liệu dư thừa, sắt, thép vụn, ...khoảng 5kg/ngày.

b. Giai đoạn hoạt động

Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh khoảng 338 kg/ngày.đêm từ sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình; thành phần: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế (có nguồn gốc từ nhựa, kim loại, giấy, bao bì nilon...); chất thải thực phẩm (thực phẩm rau, củ quả, thức ăn thừa); chất thải rắn sinh hoạt khác (mảnh vỡ thủy tinh, thùng xốp loại bỏ...).

3.2.2. Chất thải nguy hại

- Giai đoạn xây dựng: phát sinh chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc và các phương tiện thi công; khối lượng khoảng 5kg/thời gian xây dựng; thành phần chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu mỡ, ắc quy hỏng...

- Giai đoạn hoạt động: phát sinh khoảng 6kg/tháng từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của các hộ gia đình; thành phần chủ yếu gồm giẻ lau có dính dầu mỡ, pin, bóng đèn huỳnh quang, ắc quy hỏng

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn: từ hoạt động của các phương tiện máy móc, thiết bị đào đắp, vận chuyển nguyên vật liệu thi công (máy đào, máy trộn bê tông, xe tải,...).

- Độ rung: từ hoạt động của các máy móc lớn thi công san lấp, lu lèn, vận chuyển nguyên vật liệu.

3.3.2. Giai đoạn hoạt động

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của khu dân cư, phương tiện giao thông ra vào khu vực và thi công xây dựng nhà ở của các hộ dân.

3.4. Các tác động khác

- Tác động do chiếm dụng đất: dự án sẽ thu hồi, chuyển đổi lâu dài mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp của địa phương có thể ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân bị thu hồi đất.

- Các rủi ro, sự cố có thể xảy ra: sự cố cháy nổ, chập điện, mưa bão, ngập lụt, tai nạn giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Ưu tiên sử dụng công nhân tại địa phương, tự túc chỗ ăn và sinh hoạt tại nhà nhằm hạn chế lượng nước thải sinh hoạt phát sinh;

+ Lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động 2 buồng, dung tích 800 lít; vị trí đặt gần khu vực container nhà điều hành thi công Dự án;

+ Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Ưu tiên thi công các công trình thoát nước trước, các công trình này hoàn thiện trước mùa mưa;

+ Mặt bằng công trường được thu dọn, vệ sinh sạch sẽ chất thải rắn sinh hoạt, rác thải xây dựng và hạn chế dầu mỡ rơi vãi nhằm tránh tình trạng nước mưa chảy tràn cuốn theo;

+ Áp dụng biện pháp thi công đến đâu đổ nguyên vật liệu đến đó, bãi tập kết nguyên vật liệu thi công công trình được che chắn cẩn thận không để nước mưa chảy tràn cuốn theo vật liệu xuống kênh, mương gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát nước của khu vực.

+ Đào 01 hố lửng có thể tích khoảng 5m³ để lửng cặn xử lý nước mưa chảy tràn, vị trí hố lửng gần công ra vào của dự án trên tuyến đường Nguyễn Chí Thanh;

+ Nước mưa chảy tràn sau khi xử lý lửng cặn theo mương dẫn chảy ra hệ thống mương đất hiện trạng và được đào bổ sung để dẫn nước thải về mương rộng 3m thuộc lưu vực 3 của xã Hưng Đông nằm tiếp giáp phía Tây Bắc khu quy hoạch, sau đó được dẫn về mương thoát nước chính trên đại lộ Vinh – Hưng Tây thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Kê Gai;

- Đối với nước thải xịt rửa xe, phương tiện, dụng cụ: bố trí tại công trường thi công 01 hố thu nước (kích thước 1,5m x 1,5m x 1,2m) và 01 hố lửng cặn (kích thước: 3m x 2m x 1,2m) để thu gom, xử lý, nước thải sau khi được lắng lọc sẽ được tận dụng để tuần hoàn phun, xịt rửa xe, phương tiện, dụng cụ.

b. Giai đoạn hoạt động

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Trong khi thành phố chưa đầu tư hệ thống thoát nước thải riêng biệt nên nước thải của Dự án (sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn BASTAF tại các hộ gia đình) sẽ được lọc qua vào 1 giếng tách trên các tuyến đường quy hoạch và thoát chung với hệ thống thoát nước hiện trạng. Nước thải từ mương thoát nước thải B400 được dẫn đến các giếng tách để lọc rác và được dẫn về đầu nối ra mương thoát nước rộng 3m thuộc lưu vực 3 của xã Hưng Đông nằm tiếp giáp phía Tây Bắc khu quy hoạch, sau đó được dẫn về mương thoát nước chính trên đại lộ Vinh - Hưng Tây rồi thoát ra sông Kê Gai.

Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2068558 (m); Y = 595154 (m); lưu lượng xả thải: 46,8m³/ng.đ; hình thức xả thải: tự chảy.

+ Sau khi có mương thoát nước của thành phố đầu tư đồng bộ theo Quyết định số 52/QĐ –TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 14/01/2015 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050: nước thải được thu gom bằng hệ thống cống thoát nước thải B1500 trên đường Nguyễn Chí Thanh dẫn đến trạm bơm nước thải sinh hoạt xã Hưng Đông công suất 5.300m³/ng.đ trên đường Nguyễn Chí Thanh sau đó được dẫn về nhà máy xử lý nước thải Hưng Hòa công suất 93.000 m³/ngày.đêm để xử lý nước thải.

- Đối với nước mưa chảy tràn: được thu gom bằng hệ thống mương và các hố ga bố trí dưới vỉa hè các tuyến đường giao thông để lắng cặn rồi chảy vào hệ thống mương dẫn về nguồn tiếp nhận là mương thoát nước rộng 3m thuộc lưu vực 3 của xã Hưng Đông nằm tiếp giáp phía Tây Bắc khu quy hoạch, sau đó được dẫn về mương thoát nước chính trên đại lộ Vinh – Hưng Tây thoát ra nguồn tiếp nhận là sông Kê Gai.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Thu gom xử lý nước mưa chảy tràn khu vực dự án phải được xử lý lắng cặn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận;

+ Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn môi trường;

+ Việc xử lý nước thải phải tuân thủ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

a. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các hạng mục trang thiết bị giúp hạn chế bụi trong quá trình thi công và vận chuyển nguyên vật liệu bao gồm: hệ thống bơm, vòi bơm tưới ẩm, bạt che phủ;

- Trong quá trình đào đắp, san ủi mặt bằng, các tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu đoạn qua dự án, thực hiện tưới ẩm 02 lần/ngày.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, thi công có chứng nhận kiểm định và thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng các loại máy móc thi công để giảm bớt ô nhiễm do khí thải.

- Các phương tiện vận chuyển, bãi tập kết nguyên vật liệu được che phủ bạt nhằm hạn chế tối đa các tác động do bụi khuếch tán.

- Lắp đặt hàng rào bằng tôn, cố định bằng cọc gỗ có chiều cao 3m, dài khoảng 200m tại những vị trí có khả năng ảnh hưởng đến các hộ dân gần khu vực thi công.

b. Giai đoạn hoạt động

- Vệ sinh sạch sẽ trong khuôn viên khu dân cư nhằm hạn chế bụi cuốn theo các phương tiện giao thông hàng ngày ra vào khu vực;

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt phải được vận chuyển hàng ngày. Định kỳ kiểm tra, khơi thông mương thoát nước thải và nắp đậy hố ga;

- Trong khuôn viên khu dân cư, trên vỉa hè được thiết kế trồng các bồn cây xanh, giải cây xanh phân cách vừa tạo cảnh quan vừa giảm thiểu phát tán bụi, tạo không khí mát mẻ, trong lành;

- Khuyến khích người dân dùng các loại nhiên liệu đốt phù hợp, thân thiện với môi trường (gas, điện,...), hạn chế sử dụng các loại nhiên liệu như than đá hoặc đốt rác, túi nilong,....

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Giai đoạn xây dựng

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Đất bóc hữu cơ từ khu vực đất chuyên trồng lúa nước: khối lượng đất mặt này sẽ được chủ đầu tư lưu giữ tại công trường thi công để tái sử dụng phục vụ công tác san lấp trồng cây xanh tại khu vực cây xanh - thể dục thể thao diện tích 825,6m² và 160 ô bồn trồng cây nằm trong dự án với khối lượng 1.113,6m³. Phần còn lại được vận chuyển về khu vực đất quy hoạch trồng cây xanh thuộc dự án "Hạ tầng kỹ thuật khu quy hoạch chia lô đất ở xóm Đông Vinh, xã Hưng Đông" do Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Vinh làm chủ đầu tư cách khu dự án khoảng 2,2km về phía Đông Bắc với diện tích 3.369,49m² với dung tích 1.212,22m³.

+ Chất thải rắn là sinh khối thực vật và bùn đất bóc hữu cơ: toàn bộ gốc, rễ cây, cỏ dại trong đất bóc hữu cơ và bùn sau khi vét để khô được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đến bãi thải tại khu vực Vườn Ươm, xã Nghi Kim.

+ Chất thải rắn xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn,... được thu gom và bán phế liệu.

+ Gạch vỡ, bê tông, vữa xi măng, đá cát dư thừa được tận dụng san lấp mặt bằng tại chỗ.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 03 thùng dung tích 120 lít có lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có nắp đậy để phân loại

chất thải rắn tại nguồn, dán nhãn trên nắp thùng. Phương án thu gom và xử lý chất thải rắn được thực hiện như sau:

+ Đối với loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy được thu gom vào thùng đựng rồi định kỳ bán phế liệu;

+ Đối với chất thải thực phẩm: rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa bỏ được thu gom sau đó đưa đến vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: được thu gom sau đó đưa đến vị trí tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- Phương án thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện như sau: thu gom vào các thùng có lót túi màu theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường, có nắp đậy, dán nhãn trên nắp thùng:

+ Đối với loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: có nguồn gốc kim loại hoặc nhựa như các lon đựng nước giải khát, giấy các hộ tự thu gom vào thùng đựng rồi tái sử dụng hoặc định kỳ bán phế liệu;

+ Đối với chất thải thực phẩm: rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa các hộ dân cư bỏ vào túi rác riêng, sau đó đưa đến thùng tập kết chất thải rắn sinh hoạt của địa phương để đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt khác: được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Phổ biến thông tin, giám sát việc phân loại thu gom, tập kết và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý.

- Đối với khu vực công cộng, sân đường nội bộ: tại các vị trí công cộng trong khuôn viên dự án, các trục đường (các lối đi lại trong khuôn viên,...) địa phương phối hợp cùng cộng đồng bố trí các thùng rác nhỏ để thu gom tránh vứt bừa bãi. Hàng ngày, đơn vị thu gom chất thải rắn của địa phương đến thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Đối với khu nhà ở các hộ dân:

+ Sau khi người dân vào sinh sống tại trong khu vực quy hoạch đất ở chia lô, các chất thải phát sinh, các hộ dân này sẽ tự thu gom, phân loại chất thải rắn tại gia đình theo quy định ở trên và nộp phí thu gom, xử lý chất thải rắn và đưa chất thải rắn ra vị trí tập kết của địa phương để đơn vị thực hiện thu gom và vận chuyển theo đúng quy định.

+ Ngoài ra, chính quyền địa phương, khối xóm sẽ thường xuyên phổ biến các quy định về vệ sinh môi trường đối với các hộ dân.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng dự án và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a. Giai đoạn xây dựng

Bố trí 02 thùng phuy có nắp đậy, dán nhãn cảnh báo (01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng rắn, 01 thùng đựng chất thải nguy hại dạng lỏng). Định kỳ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn phương pháp, khuyến khích các hộ tự thu gom, phân loại, lưu trữ riêng chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng dự án và hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.3. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a. Giai đoạn xây dựng

- Thường xuyên bảo trì các máy móc, thiết bị, phương tiện thi công xây dựng;
- Công nhân thi công trên công trường được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động chống ồn như: mũ, quần áo bảo hộ lao động,...

b. Giai đoạn hoạt động

Dự án có số lượng các hộ dân ít, không có các công trình thương mại dịch vụ, họp chợ nên tiếng ồn phát sinh trong khu dân cư không đáng kể. Trên các tuyến đường nội bộ khu dân cư để các biển báo hạn chế dùng còi, giảm tốc độ khi vào khu vực dân cư.

4.4. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Giai đoạn xây dựng

- Lắp đặt các biển cảnh báo, tuyên truyền, phổ biến người dân trên các tuyến đường để nhắc nhở về tình trạng giao thông và những tai nạn giao thông có thể xảy ra.

- Biện pháp phòng ngừa các sự cố cháy nổ: thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy.

- Phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai:

+ Trước khi có mưa bão cần phải che kín, chằng chống lại kho bãi chứa vật liệu xây dựng và kiểm tra hệ thống điện hoặc cắt điện trong trường hợp cần thiết.

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống thoát nước xung quanh các công trình xây dựng để đảm bảo được khả năng tiêu thoát nước tốt nhất, đặc biệt là trước và sau mỗi thời điểm mưa lớn, bão lũ xảy ra.

+ Các khu vực bố trí bãi tập kết vật liệu xây dựng phải ở các khu vực có địa hình cao ráo, có hệ thống tiêu thoát tốt và gần các trục đường giao thông để thuận lợi cho các hoạt động thu dọn và vận chuyển khi có bão, lũ xảy ra.

+ Thường xuyên theo dõi diễn biến thời tiết để có sự chuẩn bị và biện pháp ứng phó khi thiên tai xảy ra.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho cán bộ công nhân tham gia thi công tại công trường.

b. Giai đoạn hoạt động

- Biện pháp phòng ngừa các sự cố cháy nổ: thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về phòng cháy chữa cháy.

- Định kỳ hàng năm nạo vét các tuyến mương để khơi thông dòng chảy; duy tu, sửa chữa hệ thống nắp chắn rác, hố ga, mương thoát nước.

- Mỗi nhà dân tiến hành lắp đặt hệ thống chống sét.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn thi công xây dựng

a. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại

Giám sát khối lượng và việc phân loại, thu gom chất thải rắn phát sinh hàng ngày.

b. Giám sát khác

Giám sát ngập lụt cục bộ khu vực thực hiện dự án và khu vực dân cư tiếp giáp Dự án.

5.2. Quan trắc, giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

Giám sát việc phân loại và khối lượng chất thải rắn phát sinh hàng ngày trong quá trình hoạt động.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chỉ được triển khai dự án sau khi cơ quan có thẩm quyền cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa theo quy định. Chỉ được thi công xây dựng trên diện tích đất theo phạm vi, ranh giới đã được cấp thẩm quyền cho phép.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai xây dựng và hoạt động của Dự án.

6.3. Thực hiện khoanh định ranh giới dự án, xác định các địa bàn làm công trường thi công và đổ thải các loại bùn thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án.

6.4. Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa; ứng phó sự cố; tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố, an toàn giao thông đường bộ, quản lý đất đai và các quy phạm pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án.

6.5. Chỉ đạo các hộ gia đình xây dựng công trình xử lý nước thải đảm bảo quy chuẩn và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định.

6.6. Chỉnh sửa báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.7. Cam kết thực hiện các nội dung theo đã thỏa thuận, thống nhất tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư xóm Trung Thuận, xã Hưng Đông, thành phố Vinh và Công văn ý kiến tham vấn trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã Hưng Đông./.

BÁO CÁO

Tổng hợp kết quả thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 theo hướng dẫn tại Công văn số 2635/BTC-QLCS ngày 22/3/2023 của Bộ Tài chính (Quý 4 năm 2023)

A. THÔNG TIN CÁN BỘ THỰC HIỆN BÁO CÁO:

1. Họ và tên: Nguyễn Quang Hòa.
2. Chức vụ: Chuyên viên phòng Kinh tế.
3. Đơn vị công tác: Văn phòng UBND tỉnh Nghệ An.
4. Số điện thoại liên hệ: 094.233.8678.
5. Địa chỉ email: nguyenguanghoaubna@gmail.com.

B. NỘI DUNG BÁO CÁO:

I. Kết quả thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

1. Về việc ban hành Kế hoạch sắp xếp lại, xử lý nhà, đất:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 524/KH-UBND ngày 14/7/2023 về thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Về việc đôn đốc, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện: Nêu rõ các hình thức đôn đốc, hướng dẫn, chỉ đạo (ban hành văn bản; tổ chức các đoàn công tác,...)

- UBND tỉnh đã có Công văn số 2484/UBND-KT ngày 06/4/2023 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội.

- Sở Tài chính đã có Công văn số 1741/STC-QLG&CS ngày 27/4/2023 đôn đốc, hướng dẫn chỉ đạo thực hiện.

3. Kết quả lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất trong Quý báo cáo:

- a) Số cơ sở nhà, đất kê khai, báo cáo: 160 cơ sở
- b) Số cơ sở nhà đất được kiểm tra hiện trạng: 160 cơ sở
- c) Số cơ sở nhà, đất được cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất¹: 141 cơ sở

¹ Cơ quan có thẩm quyền lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 167/2017/NĐ-CP gồm: Bộ, cơ quan trung ương (đối với nhà, đất thuộc trung ương quản lý); Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (đối với nhà, đất thuộc địa phương quản lý); Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với nhà, đất trên địa bàn địa phương khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý).

d) Số cơ sở nhà, đất được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý: 128 cơ sở

4. Kết quả thực hiện phương án xử lý và kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Kết quả thực hiện phương án xử lý:

- Tổng số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt lũy kế đến kỳ báo cáo: 3.693 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý trong Quý báo cáo: 131 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý lũy kế đến hết Quý báo cáo: 3.682 cơ sở

b) Tình hình kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

- Số cơ sở nhà, đất được kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý trong Quý báo cáo: 131 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất được kiểm tra việc thực hiện phương án xử lý lũy kế đến hết Quý báo cáo: 3.682 cơ sở

5. Kết quả xử lý các cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích, thiếu hồ sơ pháp lý:

a) Đối với trường hợp bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích:

- Tổng số cơ sở nhà, đất bị lấn chiếm, có tranh chấp, sử dụng sai mục đích lũy kế đến kỳ báo cáo: 03 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã được giải quyết việc lấn chiếm, tranh chấp, sử dụng sai mục đích trong Quý báo cáo: 0 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã được giải quyết việc lấn chiếm, tranh chấp, sử dụng sai mục đích lũy kế đến hết Quý báo cáo: 0 cơ sở

b) Đối với trường hợp thiếu hồ sơ pháp lý:

- Tổng số cơ sở nhà, đất thiếu hồ sơ pháp lý lũy kế đến kỳ báo cáo: 839 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thiện hồ sơ pháp lý trong Quý báo cáo: 145 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã hoàn thiện hồ sơ pháp lý lũy kế đến hết Quý báo cáo: 145 cơ sở

6. Kết quả sắp xếp các cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc đối tượng sắp xếp lại theo Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 của Quốc hội:

- Số cơ sở nhà, đất thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại lũy kế đến Quý báo cáo: 227 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án xử lý trong Quý báo cáo: 52 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất đã được phê duyệt phương án xử lý lũy kế đến hết Quý báo cáo: 190 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong Quý báo cáo: 52 cơ sở

- Số cơ sở nhà, đất hoàn thành việc thực hiện phương án xử lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt lũy kế đến hết Quý báo cáo: 176 cơ sở

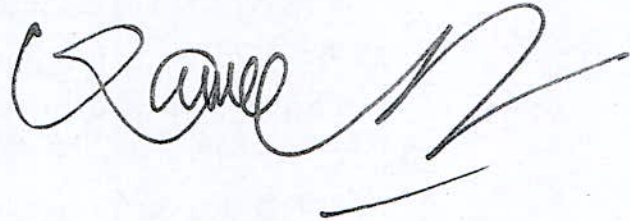
7. Các nội dung đề xuất, kiến nghị (nếu có): Không có.

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO



Nguyễn Quang Hòa

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Thanh An